TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG** BÀNG **TỈNH TÂY NINH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS - ST.
Ngày: 02-11-2018
V/v: Tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hồ Văn Khang
Ông Ngô Minh Lý
Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc: Tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:
1- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp TT, xã HT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
2- Bị đơn:
2.1- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1970;
2.2 - Bà Lê Thị Xuân Thả, sinh năm 1974.
3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937.
Ông Th, bà Thả, bà N cùng địa chỉ: Ấp TC, xã ĐT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (nguyên đơn) ông Lê Văn Đ trình bày: Thời điểm trước ngày 30/4/2014 ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả tính đến ngày 30/4/2014 ông Th nợ ông số tiền 92.362.000 đồng có ký giấy nhận nợ nhưng không trả. Ông khởi kiện vợ chồng anh Th, bà Thả ra toà án. Ngày 05/3/2018, ông và ông Th thoả thuận nhau là "*vợ chồng ông Th, bà Thả chỉ trả cho ông số tiền*

45.000.000 đồng là xong số nợ 92.362.000 đồng", nhưng ông Th chỉ trả cho ông số tiền 19.000.000 đồng đến ngày 17/4/2018 ông Th trả thêm số tiền 9.500.000 đồng, còn nợ lại 16.500.000 đồng ông Th viết giấy hẹn "*ngày 17/6/2018 trả dứt điểm, nếu không trả đúng hẹn thì phải trả số tiền 63.862.000 đồng*". Ngày 17/4/2018, ông rút đơn khởi kiện toà án đình chỉ vụ án nhưng đến ngày 17/6/2018 ông Th không trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Thả phải trả cho ông số tiền 63.862.000 đồng yêu cầu trả tiền lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 17/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Đồng thời, do bà N sống chung nhà với ông Th nên yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ trả cùng với vợ chồng ông Th trả nợ cho ông.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Trần Văn Th ngày 18/9/2018 (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Th trình bày:

Tính đến tháng 4/2014, vợ chồng ông chỉ nợ ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp là 41.000.000 đồng. Ngày 30/4/2014, ông Đ viết giấy nợ kêu ông ký tên nợ ông Đ số tiền 92.362.000 đồng ông đã ký tên vào giấy nợ. Đầu năm 2018, ông Đ kiện vợ chồng ông đòi nợ. Ngày 05/3/2018, ông và ông Đ thoả thuận nhau *"ông chỉ nợ ông Đ số tiền 45.000.000 đồng"* và có đã trả cho ông Đ số tiền 28.500.000 đồng còn nợ lại 16.500.000 đồng, ông có viết giấy hẹn nợ ngày 17/4/2018 cam kết *"đến ngày 17/6/2018 nếu không trả thì phải trả số tiền 63.862.000 đồng*", do không có tiền nên ông không trả cho ông Đ. Nay do kinh tế khó khăn xin trả cho ông Đ số tiền 16.500.000 đồng. Số nợ trên do vợ chồng ông trực tiếp giao dịch mua vật tư nông nghiệp của ông Đ, mẹ ông là bà Nguyễn Thị N không có liên quan.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Lê Thị Xuân Thả ngày 20/9/2018 (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Thả trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn Th bà thống nhất lời trình bày của ông Th và có cùng nguyện vọng.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị N ngày 18/9/2018 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đối với yêu cầu của nguyên đơn bà N trình bày:

Ông Trần Văn Th là con ruột của bà, Lê Thị Xuân Thả là con dâu, hiện vợ chồng Th sống chung nhà với bà. Bà không có giao dịch mua bán gì với ông Đ, không có hứa hẹn hay bảo lãnh nợ của vợ chồng Th, bà không đồng ý trả nợ cho ông Đ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 428, 438, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Văn Đ số tiền 63.862.000 đồng và lãi

suất theo quy định của pháp luật. Không buộc bà Nguyễn Thị N phải liên đới với vợ chồng ông Th trả nợ cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]-Về tố tụng: Ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả, bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả nợ ông Lê Văn Đ số tiền 92.362.000 đồng từ ngày 30/4/2014. Đến 17/4/2018, ông Th làm giấy cam kết nhận nợ và đồng ý trả nợ nên thời hiệu khởi kiện Đ bắt đầu lại từ ngày 17/4/2018 theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự.

[3]- Về nội dung: Trước ngày 30/4/2014, ông Đ có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả đến ngày 30/4/2014 ông Th ký giấy nhận còn nợ ông Đ số tiền 92.362.000 đồng nhưng không trả. Ông Đ khởi kiện vợ chồng anh Th ra toà án. Ngày 05/3/2018, ông Đ và ông Th thoả thuận nhau là "*vợ chồng ông Th, bà Thả chỉ trả cho ông số tiền 45.000.000 đồng là xong số nợ 92.362.000 đồng*", nhưng ông Th chỉ trả cho ông Đ số tiền 19.000.000 đồng đến ngày 17/4/2018 ông Th trả thêm số tiền 9.500.000 đồng còn nợ lại 16.500.000 đồng anh Th hẹn "*ngày 17/6/2018 trả dứt điểm, nếu không trả đúng hẹn thì phải trả số tiền 63.862.000 đồng*", việc thoả thuận hai bên có làm giấy tay do anh Th viết nhưng đến ngày 17/6/2018 ông Th không trả tiền cho ông Đ. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Thả phải trả số tiền 63.862.000 đồng và tính tiền lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 17/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Bởi lẽ, chính ông Đ đã tạo điều kiện cho vợ chồng ông Th trả gần ½ số nợ là 45.000.000 đồng, ông Th viết giấy cam kết nhưng không thực hiện đúng. Do đó, ông Th bà Thả phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 63.862.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp tại Điều 428, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể số tiền phải trả Đ chiết tính như sau:

Số tiền lãi suất = số tiền gốc 63.862.000 đồng x (0,75%/tháng x 07 tháng 15 ngày) = 3.592.200 đồng (viết tròn số 3.592.000 đồng). Tổng số tiền vốn lãi ông Th, bà Thả phải trả cho ông Đ là 67.454.000 đồng.

[4]- Xét yêu cầu của ông Đ là bà N phải có nghĩa vụ liên đới với vợ chồng ông Th trả nợ thấy rằng; Bà N chỉ sống chung nhà với vợ chồng ông Th bà Thả, không trực tiếp giao dịch mua bán với ông Đ, cũng không có cam kết, bảo lãnh nợ của ông Th bà Thả đối với ông Đ. Do đó, không buộc bà N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với vợ chồng ông Th trả nợ cho ông Đ.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tại phiên toà; xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Ông Th, bà Thả phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội; số tiền phải trả là 67.454.000 đồng x 5% = 3.372.700 đồng (viết tròn số là 3.372.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428, 438, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" của ông Lê Văn Đ đối với ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả;

2- Buộc ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 67.454.000 (sáu mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3- Bà Nguyễn Thị N không có nghĩa vụ liên đới cùng với vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả trả nợ cho ông Lê Văn Đ.

4/ Về án phí:

- Ông Trần Văn Th, bà Lê Thị Xuân Thả phải chịu số tiền 3.372.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Lê Văn Đ số tiền 1.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016376 ngày 30/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, Đ quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TA Tây Ninh;
-VKS Trảng Bàng;
-THADS Trảng Bàng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

-Các đương sự.

Phạm Văn Tâm